

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28- 4 - 2017

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sửu
2. Bà Trần Thị Minh Hoi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện
Đô Lương – tỉnh Nghệ An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương – tỉnh Nghệ An tham gia phiên
tòa:* Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh
Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:
60/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi
con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX-ST ngày
12/4/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L – sinh năm 1988

Nơi cư trú: xóm Hòa Thiện, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: anh Phạm Văn H – sinh năm 1981

Nơi cư trú: xóm Hòa Thiện, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 20/02/2017, quá trình giải quyết
vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày giữa nguyên đơn và bị
đơn anh Phạm Văn H đăng ký kết hôn ngày 16/11/2011 tại UBND xã Hiến Sơn,
huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn;

- Con chung: có 02 con chung là Phạm Văn Nhật M sinh ngày 15/8/2012 và Phạm Phương T sinh ngày 16/9/2015 hiện đang sống cùng chị L. Nếu ly hôn, nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nguyên đơn đã bỏ việc để ở nhà chăm sóc con chung, có chỗ ở ổn định nên đảm bảo điều kiện nuôi con chung. Sau khi ly hôn, nguyên đơn cam đoan sẽ vào miền Nam tìm kiếm việc làm và mang theo 2 con để tiện chăm sóc. Nguyên đơn không đồng ý giao bất cứ con chung nào cho bị đơn nuôi do bị đơn không yêu thương, không quan tâm, không có trách nhiệm đối với con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vào thời điểm làm đơn xin ly hôn, vợ chồng còn mua chịu chị T tiền sữa cho con nhưng đến ngày 31/3/2017, vợ chồng đã trả toàn bộ số tiền nợ cho chị T và chị T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến thời điểm mở phiên tòa, vợ chồng không nợ tổ chức, cá nhân nào. Nếu ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn H có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Chấp nhận ly hôn;

- Về con chung: có 02 con chung là Phạm Văn Nhật M sinh ngày 15/8/2012 và Phạm Phương T sinh ngày 16/9/2015 hiện đang sống cùng chị L. Nếu ly hôn, bị đơn có nguyện vọng nuôi con chung Phạm Văn Nhật M và giao con chung Phạm Phương T cho chị L nuôi. Bị đơn không yêu cầu gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện bị đơn làm công nhân, thu nhập mỗi tháng 5.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định tại xã Hiến Sơn, Đô Lương, Nghệ An nên đủ điều kiện để nuôi con chung. Bị đơn luôn gửi tiền và quà nuôi con nhưng do nguyên đơn không tiếp nhận.

- Về quyền tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: bị đơn thừa nhận trước đây có mua nợ tiền sữa của chị Phạm Thị T nhưng đến ngày 31/3/2017 thì đã trả hết cho chị T. Nay chị T không có yêu cầu gì. Đến thời điểm mở phiên tòa, vợ chồng không nợ tổ chức, cá nhân nào nên bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Phạm Văn H; giao con chung Phạm Văn Nhật M sinh năm 2012 cho anh H nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Phương T cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng cho ai; chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; không giải quyết chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên sau khi ly hôn nên theo quy định, Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã Hiến Sơn về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 31/3/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T đã có bản tự khai trình bày việc nguyên đơn – bị đơn đã hoàn thành nghĩa vụ tài sản đối với chị và không yêu cầu tòa án giải quyết đồng thời không đưa chị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nữa. Như vậy, căn cứ vào khoản 4 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định, chị Phạm Thị T không liên quan gì đến vụ án.

2. Về nội dung: Xét chị Trần Thị L và anh Phạm Văn H đăng ký kết hôn ngày 16/11/2011 tại UBND xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 9, điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không có trách nhiệm với gia đình, không đưa tiền về nuôi con và còn đánh đập chị L nhiều lần. Anh H cho rằng, do chị L hay ghen tuông vô cớ nên đập phá tài sản, hỗn láo và coi thường chồng, làm ăn thua lỗ, chi tiêu không rõ ràng nên vợ chồng mất hết tình cảm dành cho nhau. Mặc dù các đương sự không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy, giữa chị L và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Phạm Văn Nhật M sinh ngày 15/8/2012 và Phạm Phương T sinh ngày 16/9/2015. Do con chung Phạm Phương T đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên các đương sự thống nhất giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi. Thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không

vi phạm đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Xem xét về tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con chung Phạm Văn Nhật M sinh ngày 15/8/2012: căn cứ lời trình bày của các đương sự về điều kiện nuôi con chưa thành niên, đối chiếu vào các tài liệu mà Tòa án đã thu thập được như Báo cáo số 22/BC-UBND về việc trả lời việc ly hôn của công dân xã Hiến Sơn ngày 04/4/2017 của UBND xã Hiến Sơn, Đơn xin xác nhận công việc và thu nhập ngày 03/3/2017 của anh Phạm Văn H có sự xác thực của Công ty TNHH Hòa Hiệp thì có thể thấy: chị L hiện đang sống nhờ tại nhà bố mẹ đẻ, đã nghỉ việc kinh doanh và thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm; anh H sống chung với bố mẹ đẻ, hiện là công nhân Công ty TNHH Hòa Hiệp, thu nhập ổn định với mức lương trung bình là 5.000.000 đồng mỗi tháng. Chị L trình bày trong thời gian hôn nhân, anh H không có trách nhiệm với gia đình, không đưa tiền cho chị để nuôi con nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên nội dung này không được xem xét. Như vậy, có thể thấy, điều kiện nuôi con của các đương sự về cơ bản tương đồng nhau.

Nguyên vọng nuôi con của chị L và anh H đều chính đáng, thể hiện trách nhiệm và tình cảm của cha mẹ dành cho các con. Tuy nhiên, với điều kiện kinh tế hiện nay, việc chị L nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng là chưa đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Vì vậy, để hài hòa giữa quyền của người cha, người mẹ và quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho anh H trực tiếp nuôi con chung Phạm Văn Nhật M, giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung Phạm Phương T; cả hai bên không phải làm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ tài sản chung: các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

- Cho chị Trần Thị L ly hôn anh Phạm Văn H;
- Về con chung:

Giao con chung Phạm Văn Nhật M sinh ngày 15/8/2012 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi. Giao con chung Phạm Phương T sinh ngày 16/9/2015 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi.

Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh H và chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị L, anh H cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự buộc chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001560 ngày 02/3/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND H. Đô Lương
- Chi cục THADS H. Đô Lương
- UBND xã Hiến Sơn
- Lưu Hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LƯU THỊ HỒNG THÈ